



***** BẢO AN TOÀN**
VẬT LIỆU ***
FOAMATION(R) Q 200

1. SẢN PHẨM HÓA CHẤT VÀ XÁC ĐỊNH VỀ CÔNG TY

TÊN SẢN PHẨM	FOAMATION(R) Q 200 foaming agent
KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG	Được đề nghị sử dụng cho thực phẩm

NHÀ CUNG CẤP

National Starch Food Innovation
National Starch & Chemical Company
P.O. Box 6500, 10 Finderne Avenue
Bridgewater, NJ 08807
USA

MANUFACTURER

Natural Response S.A
Avenida Industrial 1970
Quilpue, V.Region
Chile

ĐIỆN THOẠI KHI KHẨN CẤP:

Y KHOA: 866-359-5657 (Sức khỏe & An toàn gọi
trung tâm - 24 giờ)

VẬN CHUYỂN: CHEMTREC: 800-424-9300 (24
hours)

CHEMTREC International: 703-527-
3887 (gọi collect)

Điện thoại tập thể khi khẩn cấp: 908-685-5100 (24
hours)

MSDS Requests/Customer Service: See phone numbers
in Section 16

CHEMTREC - Số điện thoại khẩn (cho sự cố xảy ra đối với sản phẩm về y tế và vận chuyển- 7 ngày/24 giờ)

Số toàn cầu (trừ US): +1 703-741-5970

Úc: +(61)-290372994

Trung Quốc: 4001-204937

Hồng Kông: 800-968-793*

Ấn Độ: 000-800-100-7141*

Indonesia: 001-803-017-9114*

Nhật Bản: +(81)-3-4520-9637

Mã Lai: +(60)-392125794, 1-800-815-308*

New Zealand: +(64)-98010034

Philippin: +(63) 2-395-3308, 1-800-1-116-1020*

Singapore: +(65)-31581349, 800-101-2201*

Hàn Quốc: +(82) 070-7686-0086, 00-308-13-2549*

Đài Loan: +886-2-7741-4207*, 00801-14-8954*

Thái Lan: 001-800-13-203-9987*


Việt Nam: +(84)-444581938

*Số điện thoại của các quốc gia được đánh dấu bằng dấu hoa thị phải được quay số trong nước

Thông tin chung và yêu cầu SDS, vui lòng liên lạc chăm sóc khách hàng nội bộ: xem số liên lạc ở phần 16.

2. SỰ NHẬN RA MỖI NGUY HIỂM.

Phân loại theo GHS	Hạng mục 2A Tồn hại mắt /Chất kích thích Mắt Trầm trọng
--------------------	---

Các biểu tượng GHS	
Từ ký hiệu theo GHS	Cảnh báo
Các môi nghi theo GHS	H319 - Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
Những cảnh giác về an toàn theo GHS	P264 - Rửa kỹ sau khi xử lý. P280 - Đeo găng tay bảo hộ / quần áo bảo hộ / bảo vệ mắt / bảo vệ mặt.
Các biện pháp sơ cấp cứu	P305 + P351 + P338 - NẾU BAY VÀO MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Hủy bỏ kính áp tròng, nếu có và dễ dàng để làm. Tiếp tục rửa. P337 + P313 - Nếu kích ứng mắt vẫn tồn tại: Nhận tư vấn / chăm sóc y tế.

TỔNG QUAN VỀ TÌNH TRẠNG KHẨN CẤP

Không cho là độc hại.

DẠNG VẬT CHẤT : Chất lỏng Tối Màu MÙI Ngọt
nâu

MẮT Chất gây ngứa vừa/nhẹ.
TIẾP XÚC DA Tiếp xúc da lặp đi lặp lại hoặc lâu dài có thể ngứa ngứa da vừa.
HÍT THỞ Độc tính thấp.
ĂN, NUỐT Độc tố qua miệng thấp

3. KẾT CẤU/ THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN.

BỘ PHẬN (THÀNH TỐ)	SỐ THÙNG	TẬP TRUNG (% bởi trọng lượng)
Quillaja saponaria, extracts		15 - 40

4. NHỮNG BIỆN PHÁP CẤP CỨU

MẮT	Ngay tức khắc rửa bằng dung dịch rửa mắt hoặc nước sạch, giữ hai mí mắt xa nhau ít nhất 10 phút.
TIẾP XÚC DA	Rửa ngay với nước. Nếu các triệu chứng phát triển, xem chú ý y học
SỰ HÍT VÀO	Thông thường không cần cấp cứu.
SỰ ĂN UỐNG	Không đòi hỏi.

5. CÁC BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

TỰ PHÁT CHÁY	Không có
ĐIỂM PHÁT QUANG	Không có
MÔI TRƯỜNG DẬP LỬA	Không có
QUY TRÌNH CHỮA CHÁY ĐẶC BIỆT	Không yêu cầu quy trình đặc biệt nào cả
MỐI NGUY CHÁY & NỔ	Không dễ bắt lửa.
SẢN PHẨM CÓ NGUY CƠ GÂY CHÁY	Sản phẩm này không trải qua quá trình phân hủy tự phát. Những sản phẩm gây cháy điển hình là CO, CO ₂ , Nitơ và nước.
GIỚI HẠN GÂY NỔ DƯỚI (%)	No data available
GIỚI HẠN GÂY NỔ TRÊN (%)	No data available

6. NHỮNG BIỆN PHÁP LÀM GIẢM TAI NẠN

QUY TRÌNH ĐỐI PHÓ VỚI VIỆC	Thu gom chất bị tóe ra bằng cát, đất và vật liệu hấp thu thích hợp. Rửa
-----------------------------------	---

ĐỒ VỠ VÀ RÒ RỈ

sạch bằng nước vùng bị tung tóe. Không rửa vùng bề mặt thoát nước. Việc thải bỏ phải tuân thủ qui định quốc gia, vùng và địa phương.

Đối với những đề phòng về an toàn môi trường, xin vui lòng xem lại toàn bộ Bảng Số liệu An toàn Vật liệu cho thông tin cần thiết.

7. XỬ LÝ VÀ TỒN TRỮ

NHIỆT ĐỘ BẢO QUẢN	Nhiệt độ thường.
XỬ LÝ / TỒN TRỮ	Bảo vệ chống đông. Store under ambient temperatures, once opened it is recommended to store under refrigeration.
NHẠY CẢM VỚI TỈNH ĐIỆN	Không
TÍNH HẠY CẢM ĐẶC BIỆT	Không có
NHẠY CẢM ĐỐI VỚI TÁC ĐỘNG CƠ HỌC	Không

8. KIỂM SÓAT PHƠI NHIỄM / BẢO HỘ CÁ NHÂN

No data available

YÊU CẦU HỆ THỐNG THÔNG GIÓ	Quạt thông thoáng bình thường thích đáng.
YÊU CẦU BẢO HỘ MẮT	Kính thủy tinh an toàn hóa học
YÊU CẦU GĂNG TAY	Nên mang găng tay vì có thể bị ngứa ngứa.
YÊU QUẦN ÁO	Không áp dụng.
THAY ĐỔI/ CỒI BỎ QUẦN ÁO	Không có
CÁC YÊU CẦU RỬA	Rửa sạch trước khi ăn, uống, hoặc sử dụng các dụng cụ vệ sinh.
YÊU CẦU BẢO HỘ HÔ HẤP	Không yêu cầu nếu ở điều kiện xử lý bình thường.

9. TÍNH NĂNG VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

NGUYÊN CHẤT HOẶC HỖN HỢP	Hỗn hợp
DẠNG VẬT CHẤT	Chất lỏng
MÀU	Tối Màu nâu
MÙI	Ngọt
NGUỒN MÙI	Không có
ĐỘ PH	Xấp xỉ 4
CÁC ĐẶC TÍNH OXI HÓA	Không có
ĐIỂM SÔI	Không có
ĐIỂM NÓNG CHẤY/ ĐÔNG ĐẶC	Không có
TÍNH TAN TRONG NƯỚC	Hòa tan được
HỆ SỐ RIÊNG PHẦN (n-octanol/nước)	Không có
ĐỘ NHỚT	Không có
TỈ TRỌNG (NƯỚC=1)	1.22
TỐC ĐỘ BAY HƠI	1 (Nước = 1)
ÁP SUẤT HƠI (mmHg)	Không có
TỈ TRỌNG HƠI (air = 1)	Không có
KHẢ NĂNG BAY HƠI	Xấp xỉ 50 %
HỢP CHẤT HỮU CƠ DỄ BAY HƠI	Không có
TỰ PHÁT CHÁY	Không có
ĐIỂM PHÁT QUANG	Không có

10. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ TÍNH PHẢN ỨNG

TÍNH ỔN ĐỊNH	Ổn định (vững chắc)
--------------	---------------------

CHI TIẾT ỔN ĐỊNH
VẬT LIỆU PHẢI TRÁNH XA
ĐIỀU KIỆN PHẢI TRÁNH
SẢN PHẨM PHÂN HỦY ĐỘC HẠI

Vật liệu bền dưới áp suất và nhiệt độ thông thường.
Không biết
Không biết
Không có những sản phẩm của sự phân ly nguy hiểm được biết đến.
Polimer nguy hiểm sẽ không xuất hiện.
Not expected to be reactive

ĐIỀU KIỆN PÔLIME HÓA ĐỘC HẠI
TÍNH PHẢN ỨNG

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

ĐƯỜNG VÀO

Tiếp xúc mắt; Tiếp xúc da; Tiêu hóa

CHẤT SINH UNG THƯ IARC
(nhóm)

NTP

OSHA Substance
Specific Regulation

BỘ PHẬN (THÀNH TỐ)
Không có bằng chứng cho thấy sản phẩm này gây ra nguy cơ ung thư khi được xử lý và sử dụng trong điều kiện bình thường.

SẢN PHẨM CÓ ĐỘC TÍNH
THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM

Những đặc tính độc chất học của sản phẩm này chưa được đánh giá một cách đầy đủ. Cần thiết phải áp dụng thực hành vệ sinh công nghiệp. Tránh tiếp xúc với da và mắt. Không nên cho vào miệng và hít thở.

ẢNH HƯỞNG CẤP TÍNH CỦA SỰ PHƠI NHIỄM

Các ảnh hưởng cấp tính.

Có thể gây ngứa khó chịu đối với da và mắt.

TÁC ĐỘNG CỦA PHƠI NHIỄM MÃN TÍNH

TÁC DỤNG PHƠI NHIỄM MÃN TÍNH
CÁC BỘ PHẬN CHỊU TÁC ĐỘNG

Chưa thấy nguy hại gắn kết với việc sử dụng chất liệu này.
Không áp dụng (không có).

12. THÔNG TIN SINH THÁI

TIỀM NĂNG TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI
TRƯỜNG

No data available

TÍNH LƯU ĐỘNG

Không biết rõ.

DAI DẰNG VÀ GIẢM CHẤT (HƯ HOẠI)

No data available

CÓ TIỀM NĂNG TÍCH TỤ SINH HỌC

Không biết rõ.

ĐỘC TÍNH

Không có sẵn thông tin.

ĐỘC TÍNH ĐỐI VỚI THỦY SINH VẬT

Không được hành lập

13. NHỮNG XEM XÉT VỀ THẢI BỎ

PHƯƠNG PHÁP LOẠI BỎ CHẤT
THẢI

Việc thải bỏ phải tuân thủ qui định quốc gia, vùng và địa phương.

CÁC CẢNH GIÁC ĐỐI VỚI

Các container rỗng có thể chứa phần sản phẩm còn sót lại, vì thế nên theo

FOAMATION(R) Q 200

Trang 4 của 6

Ngày in: 28-October-2020

CONTAINER RỔNG

hướng dẫn của MSDS và dán nhãn cảnh báo thậm chí sau khi các container đã được làm rỗng

14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

Phần này chỉ cung cấp những thông tin tổng quát mà thôi. Những yêu cầu vận chuyển bên dưới có thể không tiêu biểu những yêu cầu đối với tất cả các phương thức vận chuyển, đóng gói, phương thức chuyển hàng hoặc những vị trí bên ngoài Hoa Kỳ. **ĐỂ BIẾT THÊM THÔNG TIN ĐẦY ĐỦ VỀ CÁC QUI ĐỊNH VẬN CHUYỂN XIN VUI LÒNG THAM KHẢO NHỮNG HỒ SƠ ĐÍNH KÈM THEO LÔ HÀNG SẢN PHẨM NÀY.**

PHÂN LOẠI DOT	Không được quy định
TÊN RIÊNG VẬN CHUYỂN	Không có
LOẠI/ HẠNG NGUY HẠI	Không có
SỐ U.N	Not applicable
ĐÓNG GÓI THEO NHÓM	Không có
*****	*****

PHÂN LOẠI ICAO/IATA	Không được quy định
TÊN RIÊNG VẬN CHUYỂN	Không có
LOẠI/ HẠNG NGUY HẠI	Không có
SỐ U.N	Không có
ĐÓNG GÓI THEO NHÓM	Không có
*****	*****

XẾP LOẠI IMO/IMDG	Không được quy định
TÊN RIÊNG VẬN CHUYỂN	Không có
LOẠI/ HẠNG NGUY HẠI	Không có
SỐ U.N	Không có
ĐÓNG GÓI THEO NHÓM	Không có

DIỀM PHÁT QUANG	Không có
TÊN CHẤT GÂY Ô NHIỄM BIÊN	Không có
IMO MFAG	Xem Bảng 1-15 dựa trên những triệu chứng.

Thông tin tạo ra ở đây có thể không bao gồm ảnh hưởng những yêu cầu thường xuyên kết hợp (ví dụ, cho các vật liệu đối chiếu với xác định của một chất thải nguy hiểm dưới RCRA, các chất nguy hiểm dưới CERCLA, và/của tác nhân gây ô nhiễm thuộc về biên dưới CWA hoặc các luật của địa phương hoặc Liên bang tương tự khác) hoặc bất cứ sự loại bỏ có giao kết nào hoặc các sự miễn dưới các quy định áp dụng cho sự vận chuyển vật liệu này.

15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

TSCA	Chất này không có trong Bảng TSCA. Được loại trừ khỏi Luật Thực Phẩm, Thuốc, và Mỹ Phẩm.
FDA	21CFR 172.510 FEMA GRAS number 2973 21CFR 184.1859

16. THÔNG TIN KHÁC

Ngày SDS	06-August-2019
CÁN THÊM THÔNG TIN, LIÊN HỆ:	For product information, contact: National Starch LLC National Starch Food Innovation Customer Service: 1-800-859-8569

Technical Service Support: 1-800-743-6343

THÔNG TIN THÊM: Những thông tin và khuyến cáo nêu ra ở đây chỉ áp dụng cho sản phẩm của chúng tôi mà thôi và không liên quan đến các sản phẩm khác. Những thông tin và khuyến cáo này dựa trên cơ sở từ nghiên cứu và dữ liệu từ những nguồn đáng tin cậy khác và được tin tưởng là chính xác. Không đưa ra một bảo đảm nào và tính chính xác. Trách nhiệm của người mua trước khi sử dụng bất cứ một sản phẩm nào là kiểm tra dữ liệu này với những điều kiện hoạt động của người mua để xem sản phẩm có thích hợp với mục đích mình hay không.